TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **35**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2018
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Sỹ Luận**
Ông Hồ Viết Trung

- Thư ký phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà*: Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 348/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/7/2018 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Mai Hồng T**, sinh năm 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, Bình Phước
Bị đơn: **Ông Bùi Ngọc T**, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Phú Riềng, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Mai Hồng T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Bùi Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm

2015 ông T nghi ngờ, ghen tương bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự, uy tín của bà. Ông T nhiều lần hăm he, đe dọa tính mạng bà nên từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, ông T vẫn nhiều lần mắng chửi, xúc phạm và đòi giết bà. Do đó, tình cảm của bà giành cho ông T không còn nữa, bà muốn yên T làm ăn, nuôi dạy con cái nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Bùi Ngọc T.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 03 người con chung là cháu Bùi Minh N, sinh ngày 22/6/2002, cháu Bùi Ngọc M, sinh ngày 15/01/2005 và cháu Bùi Minh T, sinh ngày 28/5/2009. Nếu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T, bà T có nguyện vọng nuôi con 02 con chung là cháu Bùi Ngọc M, sinh ngày 15/01/2005 và cháu Bùi Minh T, sinh ngày 28/5/2009 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; còn cháu Bùi Minh N, sinh ngày 22/6/2002 để ông T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 31/7/2018, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

*** Bị đơn ông Bùi Ngọc T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng xô xát, đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau. Trước yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà T thì ông T đồng ý.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 03 người con chung là cháu Bùi Minh N, sinh ngày 22/6/2002; cháu Bùi Ngọc M, sinh ngày 15/01/2005 và cháu Bùi Minh T, sinh ngày 28/5/2009. Trường hợp nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông T yêu cầu được nuôi 03 người con chung hoặc bà T nuôi 03 người con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Hồng T và ông Bùi Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân do nguyên đơn bà Mai Hồng T làm đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Bùi Ngọc T theo quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã Phước Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Hồng T và ông Bùi Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Như vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa bà T và ông T không được đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn bà Mai Hồng T đối với bị đơn ông Bùi Ngọc T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Hồng T

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Hồng T và ông Bùi Ngọc T.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Hồng T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp. Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026533 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đinh Thị Hải

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Vào hồi .....giờ..... phút ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Sỹ Luận**

Ông Hồ Viết Trung

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 348/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/7/2018 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa:

Nguyên đơn: **Bà Mai Hồng T**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, Bình Phước

Bị đơn: **Ông Bùi Ngọc T**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bầu Đĩa, xã Phước Tân, huyện Phú Riềng, Bình Phước

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Hồng T

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Hồng T và ông Bùi Ngọc T.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Hồng T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp. Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026533 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tuyên quyền kháng cáo

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí; đạt 100%

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ ..... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.